

Bản án số:126/2024/HNGĐ-ST

Ngày:27-8-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ Thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Lâm.

2. Ông Lê Lý Bằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Thanh Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự,

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 2004.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), vắng mặt anh Đ (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn chị Bùi Thị Thị T và anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H năm 2022. C sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T và anh Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh Y, sinh ngày 31/10/2022. Ly hôn chị T và anh Đ thỏa thuận chị T là người nuôi cháu Y sau ly hôn, về cấp dưỡng anh Đ cấp dưỡng cùng chị T mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ chung chị **T** và anh **Đ** thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình xét đơn yêu cầu, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh **Đ** vắng mặt, không tham gia hòa giải. Chị **Bùi Thị T** có đơn đề nghị Tòa án chuyển vụ việc yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sang vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn để giải quyết. Nội dung chị **T** yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị xác định vợ chồng mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, đã ly thân từ tháng 10/2023 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Văn Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Đ** có một con chung là **Nguyễn Ngọc Thanh Y**, sinh ngày 31/10/2022. Ly hôn chị **T** đề nghị là người nuôi cháu **Y** sau ly hôn, về cấp dưỡng đề nghị anh **Đ** cấp dưỡng cùng chị **T** mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do anh **Đ** vắng mặt trong quá trình làm việc nên chị **T** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Đề nghị xác minh tình trạng hôn nhân đưa vụ án ra giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **Đ** nhiều lần để giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa nhưng anh **Đ** đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối gì với yêu cầu của chị **T**.

* Xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp được biết: Chị **T** và anh **Đ** xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng ghen tuông, hay xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã động viên nhiều nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Anh **Đ** do bận công việc nên vắng nhà, không tham gia được việc hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc phát biểu ý kiến:

Về chuyên việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn sang thụ lý vụ án tòa án thực hiện là đúng quy định tại Điều 397 của BLTTDS.

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại các Điều 28, 35 BLTTDS: Việc chuyển vụ việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn sang vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn là đúng quy định tại Điều 397 BLTTDS; Thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Xác định tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát nhân dân và các đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị **Bùi Thị T** thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS và có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã giao giấy triệu tập, văn bản tố tụng cho anh Đ để giải quyết vụ án nhưng anh Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS đề nghị xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thanh Y, sinh ngày 31/10/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T theo nội dung đã thỏa thuận.
- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu nên miễn xét.
- Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị T đều có địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện H nộp đơn yêu cầu giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn nhưng anh Đ vắng mặt trong quá trình Tòa án xét đơn yêu cầu. Chị T có đơn yêu cầu chuyển vụ việc sang thụ lý vụ án để giải quyết. Tòa án Đình chỉ giải quyết việc Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn giữa anh Đ và chị T, chuyển sang giải quyết Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn là phù hợp với Điều 397 của BLTTDS.

Chị Bùi Thị T là người có đơn yêu cầu nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn là đúng quy định.

Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã N, huyện H ngày 20/9/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn về chung sống nhưng hôn nhân không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ghen tuông không tin tưởng nhau. Hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhưng không được. Từ tháng 10/2023 vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm qua lại gì với nhau. Chị T và anh Đ1 nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn. Sau đó do anh Đ1 do bận công việc không tham gia làm việc tại Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của

anh Đ1. Chị T có đơn yêu cầu chuyển vụ việc sang vụ án để giải quyết nhưng anh Đ1 cũng vắng mặt, cũng không có ý kiến phản đối gì. Do vậy giải quyết cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Thanh Y, sinh ngày 31/10/2022. Cháu Y còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp với việc hai bên đã thỏa thuận thống nhất khi yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thanh Y, sinh ngày 31/10/2022 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con chung các đương sự được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T, anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003329 ngày 23/7/2024 và Biên lai số 0003334 ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Bùi Thị T, anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản sao bản án (hoặc) bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được Thi hành Theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS H. Hậu Lộc;
- UBND xã Ngư Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Sang

